

Bản án số: 02/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 10/01/2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Xuân Trường
2. Bà Đoàn Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang – thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2022/TLST-HNGĐ ngày 30/11/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh **Phạm Minh T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

2. ***Bị đơn:*** Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

(anh T và chị H đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Minh T trình bày: anh và chị H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Kiến Xương vào ngày 14/11/2012, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 7/2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng trong cách sống nên đã ly thân từ đó đến nay. Xác định không trở về đoàn tụ được nên anh vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: anh và chị H có ba con chung tên Phạm Thành N, sinh ngày 18/10/2013, Phạm Thành Tr, sinh ngày 06/7/2015 và Phạm Thành L, sinh ngày 07/11/2019. Do hai con Tr và N ở với anh từ khi sống ly thân, về điều kiện chăm sóc con và thu nhập của anh đảm bảo việc nuôi con, trong thời gian sống ly thân chị H cũng không quan tâm đến con, khi con bị ốm chị H biết nhưng không hỏi han, còn anh vẫn thường xuyên đưa cháu ThànhL về nhà chơi. Do vậy anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Thành N và Thành Tr, chị H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con ThànhL, không yêu cầu chị H góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh làm tại công ty nhựa C, địa chỉ: khu công nghiệp P, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình, mức lương khoảng 9.000.000 đồng đến 9.500.000 đồng/ tháng. Anh yêu quý các con như nhau, việc chị H cho rằng anh quan tâm cháu Tr hơn là do cháu nhỏ hơn và bị gãy xương quai xanh từ khi tập đi.

Về tài sản và nợ chung: không có.

Về án phí: anh tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày về thời điểm kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn như anh T khai, chị xác định không còn tình cảm, không trở về đoàn tụ được nên cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: chị và anh T có ba con chung như anh T khai, ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Thành N và Thành L, không yêu cầu anh T góp

tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị có đủ điều kiện và khả năng thu nhập để chăm sóc hai con, mặt khác trong thời gian sống ly thân chị cảm thấy anh T quý cháu Tr hơn cháu N, cháu L bị ốm không biết sức khỏe sau này sẽ như thế nào. Anh T cho rằng chị không quan tâm đến con là không đúng, khi con ốm chị vẫn đến thăm, chị muốn đưa hai cháu N và Tr đi chơi nhưng hai cháu không đồng ý. Chị làm tại công ty K, xã Q, huyện Kiến Xương, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản và nợ chung: không có.

Hai cháu Phạm Thành N và Phạm Thành Tr có nguyện vọng được ở cùng nhau và ở với anh T.

Kết quả xác minh tại UBND xã B, huyện Kiến Xương thể hiện: về thời gian sống ly thân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như các đương sự trình bày, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại trường tiểu học và trung học cơ sở B, huyện Kiến Xương thể hiện: quá trình hai cháu Thành Tr và Thành N học tập tại trường, anh Phạm Minh T rất quan tâm đến việc học tập của các cháu, tham gia các buổi họp phụ huynh và đóng góp các khoản theo quy định đầy đủ, kịp thời; sức khỏe của hai cháu tốt, lực học khá, chăm ngoan. Chị Nguyễn Thị H thỉnh thoảng có gọi điện cho giáo viên chủ nhiệm cháu Tr hỏi về tình hình học tập còn không liên lạc với giáo viên chủ nhiệm của cháu N.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H; giao hai con chung Phạm Thành Tr và Phạm Thành N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Thành L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của các bên về việc

không yêu cầu góp tiền cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung không có; về án phí anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Anh Phạm Minh T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú xã Bình Minh, huyện Kiến Xương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị H tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Kiến Xương, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nên đã sống ly thân từ đó đến nay. Anh T xin ly hôn, chị H xác định không trở về đoàn tụ được nên cũng nhất trí. Do vậy căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị H.

[4] Về con chung: mức thu nhập và điều kiện chăm sóc con của anh T và chị H ngang nhau, kết quả xác minh cho thấy anh T có trách nhiệm rất cao trong việc chăm sóc con. Hai con Tr và N đang học cùng cấp và cùng trường, có nguyện vọng ở cùng nhau để hỗ trợ trong việc học tập; con Thành L còn nhỏ, sức khỏe yếu nên cần sự chăm sóc nhiều hơn của chị H. Do vậy căn cứ vào các điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T, giao hai con chung Thành Tr và Thành N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Thành L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi

nhận sự tự nguyện của anh T và chị H về việc không yêu cầu góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản và nợ chung: các đương sự đều khai không có.

[6] Về án phí: anh Phạm Minh T phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện chịu thay cho chị H 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: giao hai con chung Phạm Thành N sinh ngày 18/10/2013, và Phạm Thành Tr sinh ngày 06/7/2015 cho anh Phạm Minh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Thành L, sinh ngày 07/11/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T và chị H về việc không yêu cầu góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh T và chị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản và nợ chung: không có.

4. Về án phí: anh Phạm Minh T phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện chịu thay cho chị Nguyễn Thị H 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm

ngàn) đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001762 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 10/01/2023.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu: hồ sơ, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ